



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/07/2016.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2016: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 04.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: info@hevobco.com.vn - hevobco@yahoo.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 23 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Tư | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Vũ Bá Sơn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |

Kiểm toán độc lập

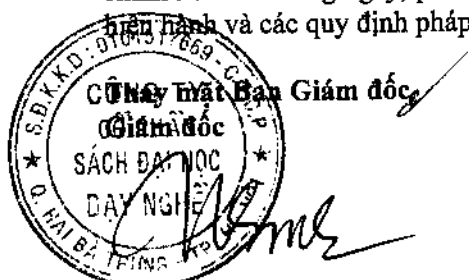
Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 91/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/01/2017, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

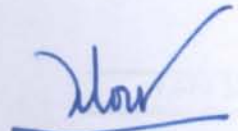
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1


Đặng Xuân Lộc – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1324-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.472.127.845	19.112.299.038
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.748.896.405	6.007.374.453
1. Tiền	111	5	1.748.896.405	1.007.374.453
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	1.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.589.930.000	117.300.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	143.744.800	143.744.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(53.814.800)	(26.444.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.b	3.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.868.299.637	5.395.738.379
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	3.029.221.996	2.533.045.104
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	2.000.000.000	3.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	123.816.944	142.741.069
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(284.739.303)	(280.047.794)
IV. Hàng tồn kho	140	12	7.248.582.082	7.578.790.277
1. Hàng tồn kho	141		8.322.019.889	8.588.172.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.073.437.807)	(1.009.382.111)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.419.721	13.095.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	12.288.412	9.292.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.131.309	3.803.929
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.147.112.500	105.075.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	32.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.c	1.000.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		115.112.500	105.075.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	115.112.500	105.075.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.619.240.345	19.217.374.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.010.265.655	3.790.636.971
I. Nợ ngắn hạn	310		4.010.265.655	3.790.636.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.842.798.637	1.667.308.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	43.120.550	137.013.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	367.836.876	455.617.312
4. Phải trả người lao động	314		355.433.170	1.004.426.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	2.480.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	19.653.481	11.009.781
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		381.422.941	512.780.969
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.608.974.690	15.426.737.067
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.608.974.690	15.426.737.067
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	788.390.025	606.152.402
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	2.930.584.665	2.930.584.665
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.630.584.665	1.629.769.276
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.300.000.000	1.300.815.389
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.619.240.345	19.217.374.038



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

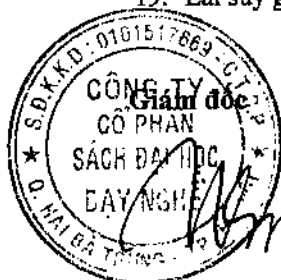
Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	21.081.059.025	22.543.297.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		21.081.059.025	22.543.297.173
4. Giá vốn hàng bán	11	22	12.496.996.371	13.979.174.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.584.062.654	8.564.122.321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	438.160.128	508.792.516
7. Chi phí tài chính	22	24	27.370.000	26.444.800
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	741.630.844	695.150.372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	5.930.246.081	6.012.594.919
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.322.975.857	2.338.724.746
11. Thu nhập khác	31	26	41.206.450	73.879.065
12. Chi phí khác	32	27	42.307.745	54.165.133
13. Lợi nhuận khác	40		(1.101.295)	19.713.932
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.321.874.562	2.358.438.678
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	499.498.328	557.623.289
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.822.376.234	1.800.815.389
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.482	1.301
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.482	1.301



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		19.966.031.915	23.352.268.738
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(13.300.666.898)	(16.141.702.181)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.364.888.150)	(4.381.835.500)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(577.623.289)	(879.672.678)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.171.000	36.578.845
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(638.586.879)	(859.588.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.104.437.699	1.126.048.431
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7.b	(3.500.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	4.400.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,23	437.084.253	367.701.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.062.915.747)	4.767.701.647
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19.e	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.258.478.048)	4.593.750.078
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	6.007.374.453	1.413.624.375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	2.748.896.405	6.007.374.453



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/07/2016.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2016: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục; buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các sách chưa in được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Chi phí phải trả của Công ty là phí đấu thầu bản thảo của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc giá bìa sách in cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	61.330.552	173.008.212
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.687.565.853	834.366.241
Cộng	1.748.896.405	1.007.374.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	1.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	5.000.000.000

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (APS)	143.744.800	89.930.000	53.814.800	143.744.800	117.300.000	26.444.800
Cộng	143.744.800	89.930.000	53.814.800	143.744.800	117.300.000	26.444.800

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá thị trường (giá đóng cửa của mã chứng khoán APS tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	31/12/2016		
					Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác					-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Đang giai đoạn đầu tư	0,92%	0,92%	100.000	1.000.000.000	-	-
Cộng					1.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	932.287.388	669.371.552
Các đối tượng khác	2.096.934.608	1.863.673.552
Cộng	<u>3.029.221.996</u>	<u>2.533.045.104</u>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	932.287.388	669.371.552
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	-	318.601.762
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư	134.457.390	228.106.170
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	155.292.266	63.920.930
Cộng		<u>1.222.037.044</u>	<u>1.280.000.414</u>

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	2.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN vay theo hợp đồng số 01/2016/HĐVV/HEV-NXBGDVN, thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2016 với lãi suất 7,5%/năm. Ngày 01/01/2017, Công ty đã ký lại hợp đồng cho vay số 01/2017/HĐVV/HEV-NXBGDVN, số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2017, lãi suất cho vay là 7%/năm và được thay đổi (nếu có) theo phụ lục hợp đồng.

Trong đó: Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	2.000.000.000	3.000.000.000
Cộng		<u>2.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	29.610.000	-	49.610.000	-
Lãi dự thu	94.206.944	-	93.131.069	-
Cộng	123.816.944	-	142.741.069	-

b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	-	-
Cộng	32.000.000	-	-	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	284.739.303	280.047.794
- Từ 3 năm trở lên	262.119.481	241.494.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	33.985.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.166.750	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	20.453.072	4.568.313
Cộng	284.739.303	280.047.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cảo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	166.438.846	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	72.510.405	49.890.583	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	334.629.886	49.890.583		

	01/01/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cảo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	145.813.846	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	63.777.710	25.224.397	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	305.272.191	25.224.397		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.444.833	-	12.405.489	-
Thành phẩm	8.273.222.560	(1.073.437.807)	8.544.452.623	(1.009.382.111)
Hàng hóa	26.352.496	-	31.314.276	-
Cộng	8.322.019.889	(1.073.437.807)	8.588.172.388	(1.009.382.111)

- Giá trị hàng tồn kho là sách các loại chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 2.010.468.775 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phí quản lý xuất bản	12.288.412	9.292.000
Cộng	12.288.412	9.292.000

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phí đầu thầu bản thảo	115.112.500	105.075.000
Cộng	115.112.500	105.075.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.009.219.000 đồng.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	779.763.157	438.557.966
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	222.492.200	100.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.840.543.280	1.128.750.785
Cộng	2.842.798.637	1.667.308.751

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	222.492.200	100.000.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	129.714.000	50.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	-	34.065.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	124.269.623	9.377.770
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Chung Công ty đầu tư	123.436.076	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	33.174.625	30.000.000
Cộng		633.086.524	223.442.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Hiệu sách Hoàng Hương	16.265.050	106.476.330
Nhà Xuất bản Đại học Sư Phạm	26.318.000	-
Các đối tượng khác	537.500	30.537.500
Cộng	43.120.550	137.013.830

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	347.025	347.025	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	307.623.289	499.498.328	577.623.289	229.498.328
Thuế thu nhập cá nhân	147.994.023	389.175.313	398.830.788	138.338.548
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	455.617.312	893.020.666	980.801.102	367.836.876

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	19.014.481	10.370.781
Phải trả khác	639.000	639.000
Cộng	19.653.481	11.009.781

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	10.000.000.000	1.890.000.000	1.209.758.684	3.329.769.276	16.429.527.960
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.800.815.389	1.800.815.389
Giảm trong kỳ	-	-	603.606.282	2.200.000.000	2.803.606.282
Số dư tại 31/12/2015	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	2.930.584.665	15.426.737.067
Số dư tại 01/01/2016	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	2.930.584.665	15.426.737.067
Tăng trong kỳ	-	-	182.237.623	1.822.376.234	2.004.613.857
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.822.376.234	1.822.376.234
Số dư tại 31/12/2016	10.000.000.000	1.890.000.000	788.390.025	2.930.584.665	15.608.974.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.300.000.000	1.300.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 23/04/2016 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với tỷ lệ 13%/ vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2016.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.930.584.665	3.329.769.276
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.822.376.234	1.800.815.389
Phân phối lợi nhuận	1.822.376.234	2.200.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (i)	1.300.000.000	1.700.000.000
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	400.000.000
+ Chia cổ tức	1.300.000.000	1.300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (ii)	522.376.234	500.000.000
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	340.138.611	500.000.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	182.237.623	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	2.930.584.665	2.930.584.665

(i) Lợi nhuận sau thuế năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 73/ĐH&DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ngày 23/04/2016.

- (ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 290/ĐH-DN ngày 30/12/2016.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu sách Đại học - Dạy nghề	20.726.747.053	20.904.509.235
Doanh thu sách liên kết trọn gói	236.690.000	1.447.765.736
Doanh thu sách tham khảo mua ngoài	117.621.972	191.022.202
Cộng	21.081.059.025	22.543.297.173

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	12.157.484.581	12.756.990.979
Giá vốn sách liên kết trọn gói	167.415.992	996.879.710
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	108.040.102	170.423.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	64.055.696	54.880.739
Cộng	12.496.996.371	13.979.174.852

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	438.160.128	410.307.716
Lãi bán các khoản đầu tư	-	98.484.800
Cộng	438.160.128	508.792.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.370.000	26.444.800
Cộng	27.370.000	26.444.800

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	348.281.184	353.765.802
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng tiêu thụ	315.506.110	286.256.850
Các khoản khác	77.843.550	55.127.720
Cộng	741.630.844	695.150.372

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	3.870.875.539	3.965.594.519
Chi phí thuê nhà	744.489.096	695.847.773
Các khoản khác	1.314.881.446	1.351.152.627
Cộng	5.930.246.081	6.012.594.919

26. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Xử lý kiểm kê	38.549.400	50.549.220
Các khoản khác	2.657.050	23.329.845
Cộng	41.206.450	73.879.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Xử lý kiểm kê	38.358.272	46.182.124
Các khoản khác	3.949.473	7.983.009
Cộng	42.307.745	54.165.133

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.321.874.562	2.358.438.678
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	175.617.076	176.212.635
- Điều chỉnh tăng	175.617.076	176.212.635
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	83.717.076	97.812.635
+ Thủ lao HĐQT không trực tiếp điều hành	91.900.000	78.400.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.497.491.638	2.534.651.313
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	499.498.328	557.623.289
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	499.498.328	557.623.289
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.822.376.234	1.800.815.389
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(340.138.611)	(500.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	340.138.611	500.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.482.237.623	1.300.815.389
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.482	1.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nhân công	4.219.156.723	4.319.360.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.488.264.597	14.870.659.776
Chi phí khác bằng tiền	1.013.434.606	769.916.606
Cộng	18.720.855.926	19.959.936.703

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	2.842.798.637	-	2.842.798.637
Phải trả khác	639.000	-	639.000
Cộng	2.843.437.637	-	2.843.437.637
<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	1.667.308.751	-	1.667.308.751
Chi phí phải trả	2.480.000	-	2.480.000
Phải trả khác	639.000	-	639.000
Cộng	1.670.427.751	-	1.670.427.751

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.748.896.405	-	2.748.896.405
Đầu tư tài chính	89.930.000	1.000.000.000	1.089.930.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Phải thu khách hàng	2.744.482.693	-	2.744.482.693
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khác	123.816.944	32.000.000	155.816.944
Cộng	11.207.126.042	1.032.000.000	12.239.126.042

<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.007.374.453	-	6.007.374.453
Đầu tư tài chính	117.300.000	-	117.300.000
Phải thu khách hàng	2.252.997.310	-	2.252.997.310
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khác	142.741.069	-	142.741.069
Cộng	11.520.412.832	-	11.520.412.832

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách ĐH-DN	409.857.220	770.344.620
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	2.362.915.836	2.268.278.529
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	1.127.822.931	1.085.525.170
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	2.962.818.150	2.518.601.762
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	923.232.880	750.378.400
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	533.801.076	289.475.624
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Tiền thuê nhà, tiền điện và các dịch vụ khác	206.394.411.	171.690.777
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	630.579.629	594.373.250
	Tem chống giả	65.340.000	43.560.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	247.719.650	356.352.530
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu gốc cho vay	1.000.000.000	-
	Thu lãi cho vay	196.708.335	239.500.002

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương Ban Giám đốc	1.062.412.000	1.258.759.006
- Giám đốc	447.118.500	564.673.029
- Các Phó Giám đốc	615.293.500	694.085.977
Thu nhập Hội đồng quản trị	123.040.000	125.280.000

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh